

Bản án số: 567/2020/HS-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 584/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Ngọc D1; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 328/2019/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Phạm Ngọc D1, sinh ngày 25/9/1973 tại Thái Bình; Thường trú: phố D, tổ 29, phường D1, quận C, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: chung cư R, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên công ty xây dựng số 09; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D (đã chết) và bà Phạm Thị N; Có vợ tên Đào Minh H và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/2/2017. (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc D1:** Luật sư Phạm Văn S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**- Bị cáo không kháng cáo:**

Nguyễn Văn Tâm D, sinh ngày 25/9/1973 tại tỉnh Khánh Hòa; Thường trú: đường Tr, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Tô Thị Kim L; Có vợ tên Nguyễn Thị Tùng Ng và 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng trong vụ án:**

1/. Bà Phạm Kim T, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Lô A, chung cư B, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958. (có mặt)

Thường trú: tổ 4, cụm 1, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

3/. Bà Trần Thị Hoàng C, sinh năm 1975. (có mặt)

Thường trú: đường H, Phường 5, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Ông Phan Văn H, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Thường trú: đường V, tổ 57, khu 8, phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

5/. Ông Đoàn Trung H1, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ph, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút, ngày 28/02/2017, Phạm Ngọc D1 đến Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (V - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh) tại số 5 Công trường M, phường B2, Quận 1 yêu cầu đổi 100.000USD sang tiền VND (gồm 1.000 tờ mệnh giá 100USD). Trong quá trình kiểm đếm ngân hàng phát hiện số USD trên là giả nên báo Công an phường B2 tiến hành bắt quả tang đối với D1 và thu giữ vật chứng. D1 khai số USD trên là của Nguyễn Văn Tâm D đưa D1 nhờ đi đổi sang VND để hưởng hoa hồng. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1 tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Văn Tâm D.

Tại Kết luận giám định số 1179/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 1.000 tờ USD, đối tượng giám định so với mẫu so sánh (02 tờ USD mệnh giá 100USD phát hành năm 1950, 02 tờ USD mệnh giá 1USD) là không phải do cùng một bộ chế bản in ra đồng thời phát hiện dấu vết tẩy xóa cơ học trên 1.000 tờ USD mệnh giá 100USD tại vị trí số “100” xác định nội dung nguyên thủy là số “1”; tại vị trí “one hundred dollars” xác định nội dung nguyên thủy là “one dollar”.

Theo Công văn số 52/HCM-QLNHV ngày 08/01/2018 của Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỉ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ áp dụng cho ngày 28/02/2017 là 1USD = 22.232VND.

Quá trình điều tra xác định, vào ngày 27/01/2017, Nguyễn Văn Tâm D đến gặp Phạm Kim T tại phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng vay và cầm cố 100.000 USD cho T để vay 01 tỷ đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 8%. T đã giao cho D 920 triệu đồng (do trừ 80 triệu đồng tiền lãi) và nhận 1.000 tờ mệnh giá 100USD từ D. Quá trình cất giữ số USD trên, T nhận thấy có dấu hiệu bị làm giả về mệnh giá từ tờ 1USD lên 100USD nên đã điện thoại nhờ Hoàng Thị L đến kiểm tra giúp.

Khoảng cuối tháng 02/2017, L đến phòng làm việc của T thì gặp Nguyễn Văn Tâm D, tại đây T đem 1.000USD để ra bàn làm việc của mình và nhờ L kiểm tra giúp. Sau khi kiểm tra, L biết là tiền bị làm giả mệnh giá từ 1USD nhưng L vẫn nói với T là muốn biết tiền thật giả thế nào phải có giấy xác nhận của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và dùng điện thoại của mình ghi lại hình ảnh số USD này, nhưng vì đây là tiền của D thế chấp nên T không đem đi giám định. Sau khi kiểm tra xong, L điện thoại gọi Phạm Ngọc D1 cùng T và D đi uống nước tại sảnh cà phê khách sạn Kim Đô trên đường Nguyễn Huệ, phường B2, Quận 1. Tại đây, L cho D1 xem video clip và giới thiệu với D1 về số USD trên là của D hiện đang thế chấp cho T để vay 1 tỷ đồng, L có nói với D1 đây là tiền USD phát hành từ năm 1950 đã cũ, tiền có số "0" nhỏ hơn tiền thật không tiêu xài được, sau đó L và T đi về trước còn D và D1 ở lại tiếp tục nói chuyện. Lúc này, Nguyễn Văn Tâm D nhờ Phạm Ngọc D1 đi đến Ngân hàng đổi số USD trên sang tiền VND, nếu được D sẽ chi 1% hoa hồng, D1 đồng ý.

Sau đó, D về mượn lại T 10 tờ 100USD trong số 1000 tờ đã thế chấp và đưa cho D1 02 tờ để D1 đến V chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục đổi qua VND. Lúc này nhân viên Ngân hàng chấp nhận đổi tiền theo yêu cầu của D1 nhưng D1 không đổi và hẹn ngày mai sẽ đem nhiều USD đến ngân hàng đổi luôn một lần. Sáng ngày 28/02/2017, D đến gặp Phạm Kim T nói dúi mượn lại 1.000 tờ USD để mang đi thế chấp vay tiền của anh, chị D ở B1 về trả nợ cho T nhưng thật ra D mượn lại tiền USD để đưa cho D1 đem đến Ngân hàng đổi sang VND, T không nghi ngờ gì và đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D đến gặp D1 tại quầy bar khách sạn Riverside, số 8-15 Tôn Đức Thắng, phường B2, Quận 1. Tại đây, D đưa D1 tổng cộng 1.000 tờ USD giả mệnh giá 100USD để D1 đem đến V đổi sang tiền VND thì bị phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Tâm D không thừa nhận số USD giả mệnh giá trên là của mình, D khai số USD giả trên là của ông Phan Văn H đưa cho D đem thế chấp cho chị Phạm Kim T vay 01 tỷ đồng, D chỉ hưởng lợi tiền lãi là 20 triệu đồng. D thừa nhận có nghe T, L nói là tiền bị giả mệnh giá (lên đời từ tờ 01 USD), D đã tự liên hệ nhờ Phạm Ngọc D1 tìm cách đổi sang tiền VND. D đã trực tiếp gặp D1 04 lần để liên hệ đổi tiền. Tuy nhiên, qua lấy lời khai Phan Văn H, Phạm Kim T và Hoàng Thị L, trong đó, Hoàng không thừa nhận đã giao số USD giả trên cho D, không quen biết và không vay tiền gì của T, T cũng không biết và không cho Hoàng vay tiền, việc D nhờ D1 đem tiền USD giả đi đổi L và T cũng không biết. Do đó, có căn cứ xác định số USD giả trên là của Nguyễn Văn Tâm D.

Phạm Ngọc D1 khai không biết số USD trên là giả, vì D1 chỉ nghe Nguyễn Văn Tâm D nói về số tiền USD phát hành năm 1950 cũ phải nhờ người quen ở Ngân hàng mới đổi được, bản thân D1 cũng nhận ra nhiều điểm về màu sắc, hình ảnh trên tờ 100USD phát hành năm 1950 của D khác biệt so với những tờ 100USD phát hành 1999 mà D1 từng thấy, nhưng do có quen biết với Trần Thị Hoàng C (nhân viên Ngân hàng VCB) nên D1 đồng ý nhận đổi tiền cho D và thỏa thuận hưởng hoa hồng là 1%. D1 chỉ gặp D 02 lần tại khách sạn Kim Đô và Riverside. Trong đó, vào ngày 27/02/2017, D1 nhận 02 tờ USD mệnh giá 100USD phát hành 1950 từ D mang đến V gặp Cơ để liên hệ đổi ngoại tệ và được Cơ giới thiệu gặp Đoàn Trung H1 (cán bộ phòng ngân quỹ) nhưng sau đó D1 không thực hiện đổi

tiền mà hẹn ngày hôm sau sẽ đem tiền USD nhiều hơn để đổi. Đến ngày 28/02/2017, D1 nhận 1.000 tờ USD mệnh giá 100USD giả từ D đem đến V đổi sang VND thì bị bắt.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 328/2019/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D1 11 (mười một) năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2017.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Tâm D, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 16/9/2019, bị cáo Phạm Ngọc D1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là chưa đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Ngọc D1 phạm tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 3, Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc D1 trình bày: Bị cáo D1 không đồng phạm với bị cáo D; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa D1 và D có sự bàn bạc. Tiền 1 USD chuyển thành tiền 100 USD bằng mắt thường khó có thể nhận biết được. Bản thân bị cáo D1 không biết đó là tiền giả mệnh giá. Nếu biết tiền giả mệnh giá thì bị cáo D1 đã mang tiền đến nơi khác để lưu hành chứ không mang đến ngân hàng để giao dịch. Bị cáo D1 thừa nhận có trách nhiệm trong việc lưu hành số tiền này nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, có con nhỏ, mức hình phạt 11 năm tù giam đối với bị cáo là quá dài. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời hạn đã tạm giam.

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc D1 trình bày bị cáo không biết số tiền đem đi đổi là tiền giả, bị cáo nghĩ đó là tiền sản

xuất năm 1950 nên đã mang đến ngân hàng để hỏi trước khi đem số tiền 100.000USD đi đổi. Nếu bị cáo biết đó là tiền giả thì đã không mang đến ngân hàng để đổi tiền. Do vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 28/2/2017, bị cáo Phạm Ngọc D1 đến Ngân hàng TMCP V chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là V Thành phố Hồ Chí Minh) yêu cầu đổi 1.000 tờ tiền mệnh giá 100USD, tương ứng giá trị 100.000 USD sang tiền Việt Nam thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang. D1 khai nhận số tiền trên của Nguyễn Văn Tâm D đưa cho D1 để đi đổi. Nguyễn Văn Tâm D thừa nhận việc nhờ Phạm Ngọc D1 đổi số tiền nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1179/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: có dấu vết tẩy xóa cơ học trên 1.000 tờ USD mệnh giá 100USD tại vị trí số “100”, xác định nội dung nguyên thủy là “1”; tại vị trí “one hundred dollars”, nội dung nguyên thủy là “one dollar”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn Tâm D và Phạm Ngọc D1 phạm tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2017 (BL167-168), bị cáo Nguyễn Văn Tâm D khai “*Vì tôi (D) không thấy số tiền sản xuất năm 1950 lưu hành trên thị trường nên tôi (D) biết là số tiền đó không được phép lưu hành*”. Tại biên bản hỏi cung ngày 12/4/2017 (BL208-209), bị cáo D khai trước ngày 27/01/2017, anh Hoàng có điện thoại cho bị cáo nói có 1000 tờ USD mệnh giá 100USD/tờ sản xuất năm 1950 không có giá trị lưu thông trên thị trường, sau đó Hoàng nhờ bị cáo gọi điện cho chị T hỏi vay 01 tỷ đồng và thế chấp bằng số tiền trên.

Trong khi đó, tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2018 (BL495-496) và tại biên bản đối chất giữa Nguyễn Văn Tâm D và bà Phạm Kim T ngày 23/8/2018 (BL499-501), bị cáo D xác định sau khi đã vay 01 tỷ đồng và cầm cố số tiền USD trên thì bà T mới gọi điện thoại cho bị cáo thông báo số tiền này là giả; thời điểm này bị cáo mới biết số tiền này là giả.

Như vậy, cần làm rõ về mặt ý chí, trước khi ký hợp đồng vay và cầm cố số tiền USD cho bà Phạm Kim T để vay 01 tỷ đồng, D đã biết số tiền này là tiền giả hoặc không thể lưu hành được hay chưa. Trường hợp, bị cáo Nguyễn Văn Tâm D biết số tiền USD này không thể lưu hành được nhưng vẫn cầm cố cho bà T, trên cơ sở đó bà T tin tưởng giao 920 triệu (sau khi đã trừ lãi) cho bị cáo thì hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Và trong hành vi này, bà Phạm Kim T được xác định là người bị hại.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo D trong quá trình điều tra đều thống nhất xác định chủ sở hữu số tiền trên là của ông Phan Văn H, tại thời điểm bị cáo thế chấp tiền cho bà T thì ông Hoàng có đi cùng D đến nơi làm việc của bà T; tại đây có người tên An làm việc tại PC67 dẫn bị cáo lên phòng chị T; sau đó An cầm số tiền vay 900 triệu đồng đưa cho ông Hoàng (BL206-209, 266-267). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng có lời khai xác định bị cáo D không tự lên phòng làm việc của bà

mà có người dẫn lên. Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ về người tên An; số tiền 01 tỷ đồng vay của bà Phạm Kim T do ai sử dụng, từ đó xác định nguồn gốc số tiền ngoại tệ do đâu mà có; vai trò của Phan Văn H trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cho ông Phan Văn H, bị cáo D và người tên An đối chất để tránh bỏ lọt người, lọt tội.

[3.2] Đối với bị cáo Phạm Ngọc D1: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo Phạm Ngọc D1 đều khai thống nhất bị cáo biết Nguyễn Văn Tâm D thông qua bà Phạm Kim T và bà Hoàng Thị L. 1000 tờ USD mệnh giá 100USD là tài sản D thế chấp để vay của bà T 01 tỷ đồng; sau đó D nhờ D1 đến ngân hàng hỏi có thể đổi 1000 tờ USD này sang tiền Việt Nam được không vì tiền phát hành năm 1950; do đó D1 lấy 200USD trong số 1000 tờ tiền đến Ngân hàng để hỏi xem có đổi được không; khi được nhân viên ngân hàng trả lời có thể đổi được thì ngày 28/2/2017 D1 mới mang số tiền này đến ngân hàng đổi và bị bắt quả tang.

Tại bản tường trình ngày 22/2/2017, D khai được T giao 01 bao tiền có 10 xấp là 1000 tờ mệnh giá 100USD đến gặp D1, giao cho D1 đi đổi tiền, không xác định đây là tiền thật hay tiền giả (BL140). Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2017, D khai biết tiền phát hành năm 1950 không lưu hành được nên mới nhờ D1 đổi giùm do nghe nói D1 có mối quan hệ với nhiều ngân hàng (BL199). Tại biên bản đối chất ngày 23/8/2018 giữa D và D1 (BL 498-499) D khai chỉ gặp riêng D1, không có mặt của bà T và bà L, khi đưa cho D1 02 tờ tiền để kiểm tra thì D1 nói là tiền thật và sẽ đến ngân hàng đổi giùm nhưng chỉ được 67% vì đây là tiền cũ, D1 giữ lại 2% tiền công. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/9/2019, D cũng khai D1 nói đây là tiền thật nên có thể lưu hành được (BL624). Trong khi đó, tại biên bản hỏi cung ngày 22/6/2017, D lại khai có bàn bạc với D1 về việc đổi 1000 tờ tiền được sửa từ mệnh giá 1USD lên 100USD sang tiền Việt Nam; tuy nhiên D1 không thừa nhận và không được đối chất để làm rõ.

Biên bản đối chất ngày 13/9/2018 giữa Phạm Ngọc D1 và bà Phạm Kim T (BL503) thể hiện D1 khai khi gặp bà T, bà L, bị cáo D thì những người này nhờ xem ngoại tệ phát hành năm 1950 có lưu hành được không; bà T lại khai không có việc trao đổi mà chỉ bàn bạc với D1 về dự án mở đường.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/5/2018, Hoàng Thị L khai có giới thiệu bà T để gặp D1, bà T nói đó là tiền phát hành năm 1950 nên không tiêu thụ được; bà L có nghi ngờ đó là tiền giả nhưng không nói cho bà T, D, D1 biết đó là tiền giả; sau đó bà L ra về trước; D, D1 và bà T bàn bạc như thế nào L không biết (459-460).

Như vậy, căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Tâm D, Phạm Ngọc D1, bà Phạm Kim T và bà Hoàng Thị L thì chưa đủ căn cứ để xác định Phạm Ngọc D1 có biết đó là tiền có mệnh giá giả hay không. Việc D1 khai chỉ nghĩ đó là tiền phát hành năm 1950 khó lưu hành trên thị trường nên mới nhờ mối quen biết để đi đổi phù hợp với lời trình bày của Trần Thị Hoàng C - nhân viên ngân hàng V tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2017 (BL322-325) xác định D1 có liên hệ với chị C để hỏi có thể đổi tiền phát hành năm 1950 được hay không, chị C giới thiệu D1 đến gặp Đoàn Trung H1 để làm việc. Nội dung tin nhắn trao đổi giữa D1 và chị C trích xuất từ điện thoại di động của chị C cũng thể hiện việc D1 nhờ hỏi đổi tiền phát hành năm 1950. Lời khai của Đoàn Trung H1 tại bút lục 349-350 cũng xác định

ngày 27/2/2017 (trước khi D1 mang tiền đi đổi) thì D1 có đến ngân hàng để nhờ kiểm tra 1-2 tờ tiền cũ, H1 trả lời ngoại tệ cũ vẫn giao dịch được nếu là tiền thật.

Ngày 13/5/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 67/2019/HS-ST trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ bị cáo D, bà T, bà L có nói cho bị cáo D1 biết số tiền ngoại tệ D thế chấp cho bà T là tiền giả hay không. Văn bản số 213/VKS-P1 ngày 06/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trả lời yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm như sau: *“qua đối chất D và T không nói cho D1 biết đó là tiền giả nhưng căn cứ vào vật chứng thu giữ đã được giám định, lời khai của các bị can, nhân chứng và các chứng từ giao dịch đổi tiền... có căn cứ xác định Phạm Ngọc D1 và Nguyễn Văn Tâm D biết số tiền USD trên là giả”*. Tuy nhiên, lời khai của những người có liên quan như đã phân tích ở trên chưa đủ căn cứ để khẳng định Phạm Ngọc D1 có biết đó là tiền giả. Kết quả điều tra về nội dung này còn nhiều mâu thuẫn và chưa được cơ quan điều tra làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả bị cáo D và D1 đều cho rằng trước khi đổi tiền thì D1 không biết được đó là tiền giả mà chỉ là tiền phát hành năm 1950.

[3.3] Ngoài ra, cũng cần xem xét bà Phạm Kim T và bà Hoàng Thị L có biết đây là tiền giả và có giúp D liên hệ với D1 để nhờ đổi tiền hay không.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2019 (BL495-496) và biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2019 (BL532-535) D khai bà T có thông báo cho D biết tiền đã lên đời từ 1USD thành 100 USD; có người hứa thu mua bằng 20% giá trị. Tuy nhiên, bà T phủ nhận việc có thông báo cho D biết đây là tiền giả. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2018, bà T khai có nghi ngờ là tiền giả nên nhờ bà L kiểm tra và chỉ nói với bà L về nghi ngờ của mình; không biết D có biết việc này hay không (BL 191-492). Lời khai của bà Hoàng Thị L tại biên bản ghi lời khai ngày 16/5/2018 (459-460) thể hiện bà T có nghi ngờ đây là tiền giả và hỏi bà L thì bà L nói với bà T muốn biết thật hay giả phải trưng cầu giám định mới biết. Tuy nhiên, sau đó bà T cùng bà L, bị cáo D đến gặp D1 để nhờ đổi tiền. Mặc dù bà T khai khi gặp D1 không bàn bạc gì về việc đổi tiền, chỉ bàn về dự án làm đường nhưng cả D1, D, bà L đều xác định có cuộc gặp 04 người và tại đây có bàn bạc về việc đổi 1000 tờ tiền USD ghi năm phát hành 1950.

Do đó, cần phải điều tra làm rõ vai trò của Phạm Kim T và Hoàng Thị L trong vụ án, bà T và bà L có biết đó là tiền giả không, có đồng phạm với bị cáo D trong việc đưa số tiền này ra lưu hành hay không để tránh bỏ lọt tội phạm.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo, người liên quan chưa được làm rõ; việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để có cơ sở xem xét toàn diện, khách quan vụ án, tránh để lọt người, sai tội thì cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định pháp luật.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo Phạm Ngọc D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D1.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 328/2019/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra lại theo quy định pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Ngọc D1 cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Bị cáo Phạm Ngọc D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Công Mười**

**Lê Thành Văn**

**Trần Thị Thu Thủy**